LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 73

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 3)

Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ tư thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục có ba loại, bốn Tĩnh lự đều có hai loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục và Tĩnh lự thứ tư đều có hai loại, ba Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục và ba Tĩnh lự sau đều có hai loại, Tĩnh lự thứ nhất có ba loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục và ba Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ tư có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ hai, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba-thứ tư đều có hai loại, Tĩnh lự thứ hai có ba loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục và ba Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, trước thứ tư có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ ba, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi và Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ tư đều có hai loại, Tĩnh lự thứ ba có ba loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục và ba Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ tư có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ tư, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục và ba Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ tư có ba loại.

Ngay lúc ấy nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, dùng nhãn của bốn Tĩnh lự thấy sắc của năm địa, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký, và ý thức phân biệt của năm địa, nhiều ít tùy theo tướng nên

biết. Trong này, lúc đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất... dùng nhãn của cõi Dục thấy các sắc, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, dựa theo trước dễ dàng hiểu rõ cho nên không nói lại. Nếu các dị sinh lúc sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên hai loại nhãn thức, trừ ra nhiễm ô; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục có ba loại, Tĩnh lự thứ nhất có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên ba loại nhãn thức; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục có hai loại, Tĩnh lự thứ nhất có ba loại. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc dùng nhãn của Tĩnh lự thứ nhất thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, nói rộng ra như trước. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên hai loại nhãn thức mà khởi lên phân biệt như trước nên biết. Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ hai thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục có ba loại, hai Tĩnh lự trước có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục và Tĩnh lự thứ hai đều có hai loại, Tĩnh lự thứ nhất có ba loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ hai, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất đều có hai loại, Tĩnh lự thứ hai có ba loại. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dùng nhãn của ba địa thấy sắc của bốn địa; hoặc đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư; hoặc đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, dùng nhãn của bốn địa thấy sắc của năm địa, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, dựa theo trước nên biết. Như nói về dị sinh lúc sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, như vậy ngay lúc ấy sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, mỗi một địa nói rộng ra tùy theo tướng nên biết!

Đã nói về dị sinh. Nếu các Thánh giả chưa lìa nhiễm của cõi Dục, lúc thấy sắc của cõi Dục, thì đối với sắc ấy khởi lên ba loại nhãn thức, từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ba loại phân biệt của cõi Dục. Ngay lúc ấy nếu sinh vào cõi Dục, đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa lìa nhiễm của cõi Tĩnh lự thứ nhất, lúc dùng nhãn của cõi Dục thấy các sắc, đối với sắc ấy khởi lên hai loại nhãn thức; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục có ba loại, Tĩnh lự thứ nhất có hai loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục và Tĩnh lự

thứ nhất đều có hai loại. Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ nhất thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, Tĩnh lự thứ nhất có hai loại, cõi Dục nếu lui sụt pháp thì có ba loại, không lui sụt pháp thì có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, Tĩnh lự thứ nhất có ba loại, cõi Dục chỉ có thiện. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, dùng nhãn của Tĩnh lự thứ nhất thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục có ba loại, Tĩnh lự thứ nhất có hai loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục có hai loại, Tĩnh lự thứ nhất chỉ có thiện. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ nhất nếu lui sụt pháp thì có ba loại, không lui sụt pháp thì chỉ có thiện. Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ hai thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, nếu lui sụt pháp thì cõi Dục có ba loại, hai Tĩnh lự trước đều có hai loại; không lui sụt pháp thì cõi Dục và Tĩnh lự thứ hai đều có hai loại, Tĩnh lự thứ nhất chỉ có thiện. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ hai có hai loại, Tĩnh lự thứ nhất nếu lui sụt pháp thì có ba loại, không lui sụt pháp thì chỉ có thiện. Lúc thấy sắc của trưởng lão thứ hai, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ hai có ba loại. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dùng nhãn của ba địa thấy sắc của bốn địa; hoặc đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư; hoặc đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, dùng nhãn của bốn địa thấy sắc của năm địa, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, tùy theo tướng nên biết. Trong này đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất...., lúc dùng nhãn của cõi Dục thấy các sắc, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, dựa theo trước dễ dàng hiểu rõ cho nên không nói lại.

Đã nói về Thánh giả sinh vào cõi Dục. Ngay lúc ấy nếu sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, lúc thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên hai loại nhãn thức; từ đây về sau đối với

sắc ấy lại khởi lên hai loại phân biệt của Tĩnh lự thứ nhất. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên ba loại nhãn thức; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ba loại phân biệt của Tĩnh lự thứ nhất. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, lúc dùng nhãn của Tĩnh lự thứ nhất thấy sắc của cõi Dục, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên hai loại nhãn thức, từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên hai loại phân biệt của hai Tĩnh lự Tĩnh lự. Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ hai thấy sắc của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên hai loại phân biệt của hai Tĩnh lự trước. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ hai, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, Tĩnh lự thứ nhất chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ hai có ba loại. Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dùng nhãn của Tĩnh lự thứ nhất thấy sắc của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, dựa theo trước nên biết.

Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ hai thấy sắc của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, Tĩnh lự thứ nhất và thứ ba đều có hai loại, Tĩnh lự thứ hai chỉ có thiện. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ hai, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô kỳ; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, hai Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ ba có hai loại. Ngay lúc ấy dùng nhãn của Tĩnh lự thứ ba thấy sắc của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, Tĩnh lự thứ nhất và thứ ba đều có hai loại, Tĩnh lự thứ hai chỉ có thiện. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ hai, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc ấy lại khởi lên ý thức phân biệt, hai Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ ba có hai loại. Lúc thấy sắc của Tĩnh lự thứ ba, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức vô phú vô ký; từ đây về sau đối với sắc áy lại khởi lên ý thức phân biệt, hai Tĩnh lự trước đều chỉ có thiện, Tĩnh lự thứ ba có ba loại.

Ngay lúc ấy đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư; hoặc đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, lúc dùng nhãn của bốn địa thấy sắc của năm địa, đối với sắc ấy khởi lên nhãn thức phân biệt, tùy theo tướng nên biết!

Như nói về Thánh giả sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, như vậy ngay lúc ấy sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, mỗi một địa nói rộng ra tùy theo tướng nên biết!

Trong này, nhãn thức dựa vào nhãn của địa mình, duyên với sắc của địa dưới có thể có hai loại, đó là trừ ra nhiễm ô, duyên với sắc của địa mình có thể có ba loại. Nếu dựa vào nhãn của địa trên thì chỉ là vô phú vô ký, nhãn thức thiện-nhiễm ô chỉ sinh vào địa của mình mới có thể hiện rõ trước mắt, vì vậy nhất định phải hệ thuộc nơi sinh Ý thức phân biệt thiện có thể duyên với tất cả các địa trên-dưới địa của mình, ý thức phân biệt nhiễm ô chỉ có thể duyên với địa trên địa của mình, ý thức phân biệt vô phú vô ký chỉ có thể duyên với địa dưới địa của mình; ý thức phân biệt thiện và nhiễm ô sinh vào địa dưới địa của mình thì có thể hiện rõ trước mắt, chứ không phải là sinh vào địa trên, ý thức phân biệt vô phú vô ký chỉ sinh vào địa của mình thì mới có thể hiện rõ trước mắt, vì vậy nhất định phải hệ thuộc nơi sinh. Sau nhãn thức khởi lên ý thức phân biệt không phải là chỉ có một nơi sinh, bởi vì giả sử trải qua nhiều nơi sinh mà duyên vào sắc đã thấy thì cũng được dấy khởi.

Hỏi: Vì sao sinh ở ba Tĩnh lự sau, mà nhãn thức của Tĩnh lự thứ nhất được hiện khởi?

Đáp: Phái Thí Dụ nói: "Ai nói sinh ở ba Tĩnh lự sau mà có thể hiện khởi các thức như nhãn... của địa Tĩnh lự thứ nhất? Nhưng mà ba Tĩnh lự sau tự nhiên có các thức như nhãn... dựa vào căn của địa mình hiểu rõ cảnh của địa dưới địa của mình. Nếu không nhẹ thuộc vậy thì tại sao sinh vào địa trên thực hiện phương tiện khéo léo, dẫn dắt các thức như nhãn... của Tĩnh lự thứ nhất khiến cho hiện rõ trước mắt.

Lời bình: Phái kia không nên đưa ra cách nói ấy, nên đưa ra cách nói này: Ba Tĩnh lự sau không có các thức như nhãn.... Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không có tầm tứ, mà năm thức như nhãn... luôn luôn tương ưng với tầm tứ để dấy khởi.

Hỏi: Vì sai sinh ở ba Tĩnh lự sau, không dẫn dắt các thức như nhãn... của cõi Dục khiến cho hiện rõ trước mắt, mà chỉ dẫn dắt khởi lên thức của Tĩnh lự thứ nhất?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: "Bởi vì cõi Dục yếu hơn cho nên sinh vào địa mạnh hơn, không cần phải dẫn dắt các thức như nhãn... của địa ấy khiến cho hiện rõ trước mắt". Có Sư khác nói: "Bởi vì cõi ấy khác nhau, nghĩa là các thức như nhãn... hệ thuộc cõi Dục cùng với căn của địa trên hệ thuộc cõi không giống nhau, thức của Tĩnh lự thứ nhất và căn của địa trên tuy không cùng chung địa, mà cõi giống nhau cho

nên cũng được vào đó để dấy khởi". Hoặc có người nói: "Các thức như nhãn... của cõi Dục bởi vì không phải là quả của tu-không phải là quả chung, cho nên dựa vào căn của địa trên không thể nào hiện khởi; các thức như nhãn... của Tĩnh lự thứ nhất là quả của tu-là quả chung, cho nên dựa vào căn của địa trên cũng có thể hiện khởi". Lại có người nói: "Các thức như nhãn... của cõi Dục không phải là cõi của Định-không phải là địa của Thủ uẩn, không phải là địa lìa nhiễm, cho nên dựa vào căn của địa trên không thể nào hiện khởi; các thức như nhãn... của Tĩnh lự thứ nhất là cõi của Định-là địa của Thủ uẩn, là địa lìa nhiễm, cho nên dựa vào căn của địa trên cũng có thể hiện khởi".

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên sinh vào ba Tĩnh lự sau có thể khởi lên các thức như nhãn... của Tĩnh lự thứ nhất chứ không khởi lên đối với cõi Dục.

Như nói về nhãn thức dựa vào căn của các địa hiểu rõ sắt của các địa, dẫn dắt ba loại phân biệt trong ý thức với số lượng có nhiều ít, các thức như nhĩ-tỷ... dựa theo đây nên biết!

Hỏi: Các thành tựu về nhãn giới cũng thành tựu về sắc giới chăng?

Đáp: Nếu thành tựu nhãn giới thì cũng thành tựu sắc giới. Có lúc thành tựu sắc giới mà không thành tựu nhãn giới, nghĩa là sinh vào cõi Dục, nếu chưa có được nhãn, hoặc có được rồi đã mất. Chưa có được nhãn, đó là những phần vị như Yết-la-lam... và người sinh ra đã mù. Có được rồi đã mất, đó là có được mắt rồi hoặc thối rửa, hoặc bị móc ra, hoặc bị sâu ăn, hoặc duyên khác làm hỏng.

Hỏi: Các thành tựu về nhãn giới cũng thành tựu về nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nhãn giới mà không thành tựu nhãn thức giới, đó là sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, nhãn thức giới không hiện ở trước mắt.

2. Có lúc thành tựu nhãn thức giới mà không thành tựu nhãn giới, đó là sinh vào cõi Dục, nếu chưa có được nhãn, hoặc có được rồi mất.

3. Có lúc thành tựu nhãn giới cũng thành tựu nhãn thức igới, đó là sinh vào cõi Dục đã có được nhãn mà không mất, hoặc sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, hoặc sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, nhãn thức giới hiện ở trước mắt.

4. Có lúc không thành tựu nhãn giới cũng không thành tựu nhãn thức giới, đó là sinh vào cõi Vô Sắc.

Hỏi: Các thành tựu về sắc giới cũng thành tựu về nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nếu thành tựu nhãn thức giới thì cũng thành tựu sắc giới. Có lúc thành tựu sắc giới nhưng không thành tựu nhãn thức giới, đó là sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, nhãn thức giới không hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu không thành tựu nhãn giới thì cũng không thành tựu sắc giới chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu sắc giới thì cũng không thành tựu nhãn giới. Có lúc không thành tựu nhãn giới mà không phải là không thành tựu sắc giới, đó là sinh vào cõi Dục, nếu chưa có được nhãn, hoặc có được rồi mất.

Hỏi: Các nhãn giới không thành tựu, nhãn thức giới cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc không thành tựu nhãn giới mà không phải là không thành tựu nhãn thức giới, đó là sinh vào cõi Dục chưa có được nhãn, hoặc có được rồi mất.

2. Có lúc không thành tựu nhãn thức giới mà không phải là không thành tựu nhãn giới, đó là sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, nhãn thức giới không hiện ở trước mắt.

3. Có lúc không thành tựu nhãn giới cũng không thành tựu nhãn thức giới, đó là sinh vào cõi Vô Sắc.

4. Có lúc không phải là không thành tựu nhãn giới cũng không phải là không thành tựu nhãn thức giới, đó là sinh vào cõi Dục đã có được nhãn mà không mất, hoặc sinh vào Tĩnh lự thứ nhất, hoặc sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, nhãn htức giới hiện ở trước mắt.

Hỏi: Nếu không thành tựu sắc giới thì cũng không thành tựu nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nếu không thành tựu sắc giới thì cũng không thành tựu nhãn thức giới. Có lúc không thành tựu nhãn thức giới mà không phải là không thành tựu sắc giới, đó là sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, nhãn thức giới không hiện ở trước mắt.

Hỏi: Các nhãn giới không thành tựu, được thành tựu cũng là sắc giới chăng?

Đáp: Nếu sắc giới không thành tựu, thì được thành tựu nhãn giới cũng như vậy. Có lúc nhãn giới không thành tựu mà được thành tựu không phải là sắc giới, đó là sinh vào cõi Dục dần dần có được nhãn

giới.

Hỏi: Các nhãn giới không thành tựu, được thành tựu cũng là nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc nhãn giới không thành tựu mà được thành tựu không phải là nhãn thức giới, đó là ở cõi vô Sắc mất đi sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, hoặc sinh vào cõi Dục dần dần có được nhãn giới.

2. Có lúc nhãn thức giới không thành tựu, được thành tựu không phải là nhãn giới, đó là sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư nhãn thức giới hiện ở trước mắt, hoặc từ nơi ấy đi sinh vào cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất.

3. Có lúc nhãn giới không thành tựu, được thành tựu cũng là nhãn thức giới, đó là ở cõi vô Sắc mất đi sinhv ào cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất.

4. Có lúc nhãn giới không phải là không thành tựu mà được thành tựu cũng không phải là nhãn thức giới, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Các sắc giới không thành tựu mà được thành tựu cũng là nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc sắc giới không thành tựu, được thành tựu không phải là nhãn thức giới, đó là ở cõi vô Sắc mất đi sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư.

2. Có lúc nhãn thức giới không thành tựu, được thành tựu không phải là sắc giới, đó là sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư nhãn thức giới hiện ở trước mắt hoặc từ nơi ấy mất đi sinh vào cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất.

3. Có lúc sắc giới không thành tựu, được thành tựu cũng là nhãn thức giới, đó là ở cõi vô Sắc mất đi sinh vào cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất.

4. Có lúc sắc giới không phải là không thành tựu, được thành tựu cũng không phải là nhãn thức giới, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Các nhãn giới thành tựu, đạt được không thành tựu cũng là sắc giới chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc nhãn giới thành tựu, đạt được không thành tựu mà không phải là sắc giới, đó là sinh vào cõi Dục đã có được nhãn mà mất.

2. Có lúc sắc giới thành tựu, đạt được không thành tựu mà không phải là nhãn giới, đó là người không có nhãn ở cõi Dục mất đi sinh vào

cõi vô Sắc.

3. Có lúc nhãn giới thành tựu, đạt được không thành tựu cũng là sắc giới, đó là người có nhãn ở cõi Dục mất đi sinh vào cõi vô Sắc, hoặc ở cõi sắc mất đi sinh vào vô Sắc.

4. Có lúc nhãn giới không phải là thành tựu, đạt được không thành tựu cũng không phải là sắc giới, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Các nhãn giới thành tựu, đạt được không thành tựu cũng là nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc nhãn giới thành tựu, đạt được không thành tựu mà không phải là nhãn thức giới, đó là sinh vào cõi Dục đã có được nhãn mà mất, hoặc ở Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư mất đi sinh vào cõi vô Sắc.

2. Có lúc nhãn thức giới thành tựu, đạt được không thành tựu mà không phải là nhãn giới, đó là người không có nhãn ở cõi Dục mất đi sinh vào cõi vô Sắc, hoặc ở cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất mất đi sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, hoặc liền trú vào nhãn thức giới ấy rồi hiện ở trước mắt mà mất.

3. Có lúc nhãn giới thành tựu, đạt được không thành tựu cũng là nhãn thức igới, đó là người có nhãn ở cõi Dục mất đi sinh vào cõi vô Sắc, hoặc ở Tĩnh lự thứ nhất mất đi sinh vào cõi vô Sắc.

4. Có lúc nhãn giới không phải là thành tựu, đạt được không thành tựu cũng không phải là nhãn thức giới, đó là trừ ra những tướng trước.

Hỏi: Các sắc giới thành tựu, đạt được không thành tựu cũng là nhãn thức giới chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc sắc giới thành tựu, đạt được không thành tựu mà không phải là nhãn thức giới, đó là ở Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư mất đi sinh vào cõi Vô Sắc.

2. Có lúc nhãn thức giới thành tựu, đạt được không thành tựu mà không phải là sắc giới, đó là ở cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất mất đi sinh vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba-thứ tư, hoặc liền trú vào nhãn thức giới ấy rồi hiện ở trước mắt mà đoạn.

3. Có lúc sắc giới thành tựu, đạt được không thành tựu cũng là nhãn thức giới, đó là ở cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất mất đi sinh vào cõi vô Sắc.

4. Có lúc sắc giới không phải là Tĩnh lự, đạt được không Tĩnh lự cũng không phải là nhãn thức giới, đó là trừ ra những tướng trước.

Như nhãn giới-sắc giới-nhãn thức giới lần lượt chuyển đổi với

nhau có mười hai luận, như vậy nhĩ giới-thanh giới-nhĩ thức giới lần lượt chuyển đổi đối với nhau, cho đến ý giới-pháp giới-ý thức giới lần lượt chuyển đổi đối với nhau, cũng đều cần phải có mười hai luận. Như vậy thì nói đồng phần với đồng phần, hoặc không đồng phần đối với không đồng phần, nên đưa ra cách nói này: Nhãn giới-sắc giới-nhãn thức giới có năm loại-ba luận, nhĩ giới-thanh giới-nhĩ thức giới có bốn loại-ba luận, tỷ giới-hương giới-tỷ thức giới có ba loại-ba luận, thiệt giới-vị giới-thiệt thức giới có hai loại-ba luận, thân giới-xúc giới-thân thức giới có một loại-ba luận, như vậy mỗi một loại tùy theo tướng nên biết!

Mười hai xứ, đó là Nhãn xứ, Sắc xứ, Nhĩ xứ, Thanh Xứ, Hương xứ, Thiệt xứ, Vị xứ, Thân xứ, Xúc xứ, Ý xứ, Pháp xứ.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: "Có Bà-la-môn Sinh văn, đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi rồi đảnh lễ dưới hai chân của Đức Thế Tôn, chắp tay cung kính thăm hỏi Đức Phật rồi lùi về ngồi một phía, thưa hỏi Đức Phật rằng: Thưa Đức Kiều-Đáp-ma tôn kính !Ngài thường vì đại chúng mà nói về tqất cả, thế nào là tất cả, đầy đủ những gì mà thi thiết lời nói về tất cả này? Đức Phật bào với Bà la môn Sinh Văn rằng: ta nói tất cả tức là mười hai xứ, đó là nhãn xứ cho đến pháp xứ, Như Lai đầy đủ những loại này mà thi thiết tất cả. Nếu có Sa-môn, Bà la môn... đưa ra lời nói như vậy: Tôi có thể rời bỏ tất cả mà Đức Phật đã nói, lại tách rời mà thi thiết có tất cả khác. Những người ấy chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa, nếu cứ hỏi về điều đó thì không thể nào hiểu rõ, sau tự mình suy xét thì trở lại sinh ra mê mờ tối tăm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì không phải là cảnh của họ". Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, kinh ấy không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu đưa ra cách nói này: Nói tất cả thì đó là mười tám Giới. Hoặc đưa ra cách nói này: Nói tất cả thì đó là năm Uẩn và vô vi. Hoặc đưa ra cách nói này: Nói tất cả thì đó là bốn Đế và Hư không phi trạch diệt. Hoặc đưa ra cách nói này: Nói tất cả thì đó là Danh và Sắc. Những cách nói như vậy lẽ nào chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa hay sao?

Đáp: Trong này ngăn chặn đối với nghĩa chứ không ngăn chặn đối với văn, chỉ ngăn chặn về nghĩa thi thiết chứ không ngăn chặn về thi thiết. Ý Đức Phật nói rằng: tất cả pháp tánh đều thâu nhiếp vào trong mười hai xứ này. Nếu có người nói rằng: "Tôi có thể thi thiết tách biệt

lại có pháp khác, không thâu nhiếp vào trong mười hai xứ này", thì họ chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa, không phải là ý Đức Phật nói ngoài mười hai xứ không có pháp môn sai biệt như danh-sắc... nhưng giáo thuyết về mười hai xứ mà Đức Phật đã nói là thù thắng vi diệu bậc nhất chứ không phải là pháp môn nào khác.

Hỏi: Vì sao giáo thuyếthâu nhiếpày là thù thắng vi diệu bậc nhất?

Đáp: Bởi vì đây là trong xứ nói thâu nhiếp tất cả các pháp, giáo thuyết về mười tám Giới tuy thâu nhiếp tất cả các pháp, mà là nói rộng ra khó có thể thọ trì, giáo thuyết về năm Uẩn không phải là chỉ nói tóm lược khó có thể hiểu rõ ràng, mà cũng không thể nào thâu nhiếp tất cả các pháp. Bởi vì Uẩn không thâu nhiếp ba vô vi, cho nên chỉ riêng giáo thuyết về mười hai Xứ mà Đức Phật đã nói thâu nhiếp toàn bộ các pháp, không phải là mở rộng-không phải là tóm lược, vì vậy nói là thù thắng vi diệu bậc nhất. Do đó đưa ra lời nói này.

Nếu muốn quán sát tánh tướng của các pháp, thì nên dựa vào giáo thuyết về mười hai xứ như vậy. Nếu dựa vào giáo thuyết về mười hai xứ như vậy để quán sát tánh tướng vốn có của các pháp, thì phát sinh ánh sáng của trí tuệ về mười hai trí cảnh, lại hiện bày hình ảnh của cảnh tượng về mười hai thật nghĩa; như người lau sạch mười hai tấm gương sáng ngời treo ở các phía , nếu đi vào trong chỗ ấy thì hiện rõ ra mười hai hình ảnh của chính mình, trong thân của mỗi một hữu tình có mười hai xứ có thể đạt được.

Hỏi: Nếu trong một thân có mười hai xứ, thì tại sao kiến lập mười hai xứ?

Đáp: Bởi vì tác dụng sai khác của tự thâu nhiếp ấy, nghĩa là mười hai xứ tuy thuộc về một thân, mà tác dụng của mười hai loại tự tánh có sai biệt vốn không lẫn tạp cùng nhau, như trong một căn nhà có mười hai người kỹ thuật nghề nghiệp khác nhau, tuy cùng một nhà mà có tác dụng của mười hai tự tánh. Lại nữa, bởi vì hai sự cho nên kiến lập mười hai xứ:

1. Vì sở y, tức là sáu xứ như nhãn....
2. Vì sở duyên, tức là sáu xứ như sắc...

Lại nữa, bởi vì ba sự cho nên kiến lập mười hai xứ:

1. Vì tự tánh.
2. Vì sở y.
3. Vì sở duyên.

Vì tự thâu nhiếp, nghĩa là kiến lập nhãn xứ cho đến pháp xứ. Vì

sở y, nghĩa là kiến lập nhãn xứ cho đến ý xứ. Vì sở duyên, nghĩa là kiến lập sắc xứ cho đến pháp xứ. Như vậy gọi là bổn tánh tướng phần-tự Thể ngã vật-tự tánh của các Xứ.

Đã nói về tự tánh Xứ, nay sẽ nói đến nguyên cớ.

Hỏi: Vì sao gọi là Xứ, xứ là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về sinh môn là nghĩa của Xứ; nghĩa về sinh lộ, nghĩa về cất giữ, nghĩa về kho tàng, nghĩa về sợi dọc, nghĩa về nơi giết hại, nghĩa về ruộng đất, nghĩa về ao hồ, nghĩa về dòng chảy, nghĩa về biển rộng, nghĩa về rõ ràng, nghĩa về sạch sẽ, là nghĩa của Xứ cần phải biết.

Trong này nghĩa về sinh môn là nghĩa của Xứ, như trong thành ấp sinh ra các vật, từ đó nuôi lớn thân thể của các hữu tình. Như vậy trong sở y và sở duyên sinh ra các loại tâm-tâm sở pháp, từ đây nuôi lớn nhiễm-tịnh nối tiếp nhau.

Nghĩa về sinh lộ là nghĩa của Xứ, như giữa con đường nối thông với nhau sinh ra các vật, từ đây nuôi lớn thân thể của các hữu tình. Như vậy trong sở y và sở duyên nối thông với nhau sinh ra các loại tâm-tâm sở pháp, từ đây nuôi lớn nhiễm-tịnh nối tiếp nhau.

Nghĩa về cất giữ là nghĩa của Xứ, như trong kho tạng có vật báu như vàng-bạc... tập trung cất giữ. Như vậy trong sở y và sở duyên có tích tập các pháp của tâm-tâm sở.

Nghĩa về kho tàng là nghĩa của Xứ, như trong kho lẫm có tích tập các loại thóc lúa đậu mè... Như vậy trong sở y và sở duyên có tích tập các pháp của tâm-tâm sở.

Nghĩa về sợi dọc là nghĩa của Xứ, như dệt vải trên những sợi dọc đan dày những sợi ngang. Như vậy trên sở y và sở duyên, khắp nơi phân bố các loại tâm-tâm sở pháp.

Nghĩa về nơi giết hại là nghĩa của Xứ, như giữa chiến trường chặt đứt trăm ngàn cái đầu khiến cho rơi xuống đất. Như vậy trong sở y và sở duyên có vô lượng chủng loại tâm-tâm sở pháp, bị vô thường diệt làm cho hoại diệt.

Nghĩa về ruộng đất là nghĩa của xứ, như ở trong thửa ruộng có vô lượng chủng loại mầm non lúa ngô sinh trưởng. Như vậy trong sở y và sở duyên sinh trưởng các loại tâm-tâm sở pháp.

Nghĩa về ao hồ là nghĩa của Xứ, như có người hỏi rằng:

"Nước từ ao hồ nào chảy ra, đạo của nơi nào không thông suốt,

Nơi chốn nào thâu nhiếp thế gian, tất cả khổ-vui đều không còn?"

Đức Thế Tôn nói cho biết rằng:

"Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân và ý, cùng với tất cả các xứ khác,

Lại này thâu nhiếp danh và sắc, có thể làm cho không còn sót.

Nước từ ao hồ này chảy ra, đạo của nơi này không thông suốt,

Nơi chốn này thâu nhiếp thế gian, tất cả khổ-vui đều không còn".

Nghĩa về dòng chảy là nghĩa của xứ, như có người hỏi rằng:

"Các xứ sắp tuôn trào dòng chảy, làm sao có thể phòng ngừa được,

Nếu từ nơi ấy đã chảy ra, cái gì lại có thể ngăn được?"

Đức Thế Tôn nói cho biết rằng:

"Các xứ sắp tuôn trào dòng chảy, chánh niệm có thể phòng ngừa được,

Nếu từ nơi ấy đã chảy ra, tuệ thanh tịnh có thể ngăn được".

Nghĩa về biển rộng là nghĩa của Xứ, như Đức Thế Tôn nói: "Tỳ kheo nên biết! Các loài hữu tình dùng mắt làm biển rộng, các sắc hiện rõ trước mắt sóng lớn của nó, đối với sóng lớn của tự mình chế ngự được thì có thể vượt qua biển rộng của mắt, có thể tránh được các loại hiểm nạn như xoáy nước cùa la-sát..., cho đến ý-pháp nói rộng ra cũng như vậy".

Nghĩa về rõ ràng là nghĩa của Xứ, nghĩa là các Xứ như nhãn... thô thiển hiển bày rõ ràng.

Nghĩa về sạch sẽ là nghĩa của Xứ, nghĩa là các Xứ như nhãn... thật sự trong suốt sạch sẽ. Đó gọi là nghĩa về sinh môn cho đến nghĩa về sạch sẽ.

Ngoại luận nói Xứ này gọi là Bột-lộ-ma. Như ngoại đạo xuất gia ma-luận-địa-ca nói: "Kiều-Đáp-ma nói về các Bột-lộ-noa, đều đưa vào chương cú chú thuật của tôi". Âm Bộ-lộ-ma hàm chứa hai loại nghĩa:

1. Nghĩa có căn bản.

2. nghĩa năng tác.

Bởi vì mười hai xứ làm căn bản cho tâm-tâm sở, và có năng lực tác động đến tâm-tâm sở. Đã nói tổng quát về nhân mà thiết lập tên gọi của Xứ, nay sẽ nói roêng biệt về tướng của từng Xứ một.

Hỏi: Nhãn xứ là thế nào?

Đáp: Các nhãn đối với sắc đã-đang-sẽ thấy và Bỉ đồng phần, đó gọi là nhãn xứ. Đã thấy sắc... nói như trong phần Giới đã giải thích, cho đến ý xứ nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Sắc xứ là thế nào?

Đáp: Các sắc là nhãn đã-đang-sẽ thấy và Bỉ đồng phần, đó gọi là sắc xứ. Sắc đã thấy... nói như trong phần Giới đã giải thích, cho đến pháp xứ nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu mười sắc xứ và phần ít của pháp xứ đều có Thể là sắc, tại sao chỉ có một tên gọi là sắc xứ?

Đáp: Chỉ riêng sắc tướng của một xứ này hiển bày thô thiển dễ thấy dễ biết, cho nên gọi là Sắc xứ; những xứ khác thì không như vậy, cho nên kiến lập tên gọi khác nhau. Lại nữa, chỉ riêng một Xứ này là cảnh của hai nhãn, đó là nhục nhãn và Thiên nhãn, cho nên gọi là Sắc xứ; những xứ khác thì không như vậy, cho nên kiến lập tên gọi khác. Lại nữa, chỉ riêng một Xứ này là cảnh của ba nhãn, đó là nhục nhãn-Thiên nhãn và Thánh tuệ nhãn, cho nên gọi là Sắc xứ; những Xứ khác thì không như vậy, cho nên kiếp lập tên gọi khác. Lại nữa, chỉ riêng một Xứ này là cảnh của hai nhãn, đó là nhãn thức sở duyên, cho nên gọi là Sắc xứ. Vì vậy, Tôn giả Diệu Âm nói rằng: "Nếu cảnh của hai nhãn là nhãn thức sở duyên thì kiến lập tên gọi Sắc xứ, những xứ khác thì không như vậy". Lại nữa, nếu có phương xứ này-kia-ngắn-dài-thô-tế có thể biết được thì kiến lập tên gọi Sắc xứ. Những xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ. Lại nữa, nếu hình tướng to lớn và có thể tích tụ dể dàng biết rõ thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; những xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ. Lại nữa, nếu có thể gieo trồng và tăng trưởng dễ biết rõ thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; những xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ. Gieo trồng và tăng trưởng bao gồm nội-ngoại phần; gieo trồng thuộc ngoại phần đó là lúc gieo hạt, tăng đó là lúc nảy mầm, trường đó là lúc sinh ra cành lá hoa quả; gieo trồng thuộc nội phần đó là phần vị Yết-la-lam, tăng đó là phần vị Át-bộ-đàm, trưởng đó là các phần vị Bế-thi-kiêu nam-Bát la xa khư... Lại nữa, nếu có thể thi thiết làm tánh của phương hướng-góc cạnh thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; những Xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ, bởi vì chỉ đối với Sắc xứ thi thiết tất cả tự tánh của phương hướng-góc cạnh, chứ không phải là Xứ khác. Lại nữa, nếu có thể thi thiết tánh của Du-thiện-na thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; những Xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ, bởi vì chỉ đối với Sắc xứ thi thiết tất cả tánh của Du-thiện-na, chứ không phải là Xứ khác. Lại nữa, nếu có thể che phủ các sắc pháp khác, như khăn-mũi thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; những xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ, bởi vì chỉ có Sắc xứ có thể che phủ toàn bộ các sắc pháp khác, chứ không phải là Xứ khác. Lại nữa, nếu Xứ có đủ hình

sắc-hiển bày sắc tướng thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; Xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ. Lại nữa, nếu xứ có đủ hai mươi loại sắc hoặc hai mươi mốt loại thì kiến lập tên gọi Sắc xứ; xứ khác thì không như vậy, cho nên không phải là Sắc xứ.

Hỏi: Vì sao gọi là xúc xứ, vì nó có thể tiếp xúc cho nên gọi là xúc xứ, hay vì Thể là tiếp xúc cho nên gọi là Xúc xứ, hay vì tiếp xúc với sở duyên cho nên gọi là Xúc xứ? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả ba đều có sai lầm. Nguyên cớ thế nào? bởi vì nếu như là có thể tiếp xúc cho nên gọi là Xúc xứ, thì cực vi lần lượt chuyển đổi đã không tiếp xúc với nhau, làm sao xúc xứ là có thể tiếp xúc được? Nếu như Thể là tiếp xúc cho nên gọi là Xúc xứ, thì Đại chủng tạo ra sắc không phỉ là tự tánh của tiếp xúc, làm sao Thể của Xúc là tiếp xúc được? Nếu như tiếp xúc là sở duyên cho nên gọi là xúc xứ, thì đây cũng là cảnh của tâm-tâm sở khác, làm sao chỉ nói tiếp xúc là sở duyên được?

Đáp: nên đưa ra cách nói này: Xứ này là có thể tiếp xúc cho nên gọi là Xúc xứ.

Hỏi: Cực vi lần lượt chuyển đổi đã không tiếp xúc với nhau, làm sao xúc xứ là có thể tiếp xúc được?

Đáp: Dựa vào thế tục mà nói chứ không dựa vào thắng nghĩa, nghĩa là thế gian đều nói do nhãn mà tiếp nhận cảnh gọi là có thể thấy, do nhĩ mà tiếp nhận cảnh gọi là có thể nghe, do tỷ mà tiếp nhận cảnh gọi là có thể ngửi, do thiệt mà tiếp nhận cảnh gọi là có thể nếm, do thân mà tiếp nhận cảnh gọi là thể xúc chạm, do ý mà tiếp nhận cảnh gọi là có thể biết, vì vậy có thể xúc chạm cho nên gọi là Xúc xứ. Lại nữa, duyên sinh ra thân thức cho nên gọi là Xúc xứ, như trong kinh nói: "Thân xúc chạm làm duyên mà sinh ra thân thức". Đây là thắng nghĩa về tâm-cảnh phân biệt rõ ràng, sở duyên này gọi là Xúc xứ. Lại nữa, xứ này gọi là Xúc xứ cũng gọi là Dưỡng xứ, bởi vì từ đây nuôi lớn các sắc pháp khác làm cho tăng mạnh; như có thể tăng thêm vui mừng thì gọi là nơi vui mừng, nơi này có thể nuôi lớn cho nên gọi là nơi nuôi dưỡng.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Cực vi trần lần lượt chuyển đổi tiếp xúc cùng nhau hay không?

Đáp: Không tiếp cúc với nhau, nếu tiếp xúc với nhau thì phải trú vào sát-na thứ hai". Đại đức nói rằng: "tất cả cực vi thật sự không tiếp xúc với nhau, chỉ bởi vì không gián đoạn mà tạm thời kiến lập tên gọi của Xúc". Có người đưa ra cách nói này: Cực vi lần lượt chuyển đổi thật sự không tiếp xúc với nhau, cũng không phải là không gián đoạn, chỉ hòa hợp mà trú đôi bên tiếp cận với nhau tạm thời kiến lập tên gọi

của Xúc.

Hỏi: Thể của mười hai xứ không có Xứ nào không phải là pháp, tại sao chỉ kiến lập một xứ tên gọi Pháp xứ?

Đáp: Tuy mười hai xứ có Thể đều là pháp, mà chỉ đối với một Xứ kiến lập tên gọi Pháp xứ cũng không có gì sai. Có thí dụ, như mười tám Giới, Thể tuy đều là pháp, mà chỉ đối với một Giới để kiến lập tên gọi Pháp giới. Lại như mười Trí tuy đều duyên với pháp, mà chỉ đối với một Trí để kiến lập tên gọi Pháp trí. Lại như bảy giác chi, tuy đều có năng lực chọn pháp, mà chỉ đối với một Giác chi để kiến lập tên gọi trạch pháp giác chi. Lại như sáu Tùy niệm, tuy đều duyên với pháp, mà chỉ đối với một Tỳ niệm để kiến lập tên gọi Pháp tùy niệm. Lại như bốn Niệm trú, tuy đều duyên với pháp, mà chỉ đối với một Niệm để kiến lập tên gọi Pháp niệm trú. Lại như bốn chứng tịnh, tuy đều duyên với pháp, mà chỉ đối với một chứng tịnh để kiến lập tên gọi Pháp chứng tịnh. Lại như bốn Vô ngại giải, tuy đều duyên với pháp, mà chỉ đối với một Vô ngại giải để kiến lập tên gọi Pháp vô ngại giải. Lại như tam Bảo-tam Quy, tuy Thể đều là pháp, mà chỉ đối với một để kiến lập tên gọi Pháp bảo-Pháp quy. Ở đây cũng như vậy, tuy Thể của mười hai xứ đều là pháp, mà chỉ đối với một xứ kiến lập tên gọi Pháp xứ cũng không có gì sai.

Lại nữa, Pháp xứ có một tên gọi, những xứ khác có hai tên gọi:

1. Tên gọi ấy nghĩa là tên gọi giống nhau, bởi vì mười hai xứ đều là pháp.

2. Tên gọi ấy nghĩa là tên gọi giống nhau và không giống nhau, tên gọi giống nhau nói như trước, tên gọi không giống nhau đó là nhãn xứ.... Muốn làm cho dễ dàng hiểu rõ mà hiển bày tên gọi không giống nhau, Pháp xứ lại không có tên gọi không giống nhau cho nên chỉ hiển bày tên gọi giống nhau, vì vậy gọi là Pháp xứ. Lại nữa, sinh là tướng sinh của pháp hữu vi, chỉ thâu nhiếp ở tại Xứ này cho nên một mình nó gọi là Pháp xứ. Lại nữa, bốn tướng hữu vi là ngọn cờ đánh dấu của tất cả các pháp, bởi vì chọn lựa tách biệt hữu vi khác với vô vi, tướng ấy chỉ thâu nhiếp ở tại xứ này, cho nên một mình nó gọi là Pháp xứ. Lại nữa, danh-cú-văn thân giải thích bày tỏ biểu hiện rõ ràng về tánh tướng của các pháp làm cho dễ dàng hiểu biết, ba loại ấy chỉ thâu nhiếp ở tại Xứ này, cho nên một mình nó gọi là Pháp xứ. Lại nữa, như các cửa sở mở thông làn gió lưu chuyển cho nên gọi là nơi làn gió lưu chuyển; Pháp xứ cũng như vậy, lưu thông sinh ra các pháp cho nên gọi là Pháp xứ; vì các nghiệp-phiền não và định-tuệ..., có thể sinh ra tất cả pháp hữu vi,

và có thể thông suốt mà chứng được pháp vô vi. Lại nữa, thông hiểu tất cả pháp đều là không-vô ngã, không giải thoát môn thâu nhiếp ở tại xứ này, cho nên gọi là Pháp xứ.

Hỏi: Có thể chấp các pháp là ngã-ngã sở, tát-ca-da kiến cũng do xứ này thâu nhiếp, tại sao xứ này không gọi là Ngã xứ?

Đáp: Tát-ca-kiến là chấp hư vọng, không phù hợp với thật tướng các pháp mà tách ra, vì vậy xứ này không kiến lập tên gọi của Ngã, không giải thoát môn chứng được thật tướng của pháp, cho nên Xứ này dựa vào đó mà gọi là Pháp. Lại nữa, Trạch diệt Niết-bàn là Thường-là Kiến, không biến chuyển-không thay đổi, sinh-lão-bệnh-tử vốn không có thể hũy hoại pháp thắng nghĩa này, pháp ấy chỉ thâu nhiếp ở tại xứ này, cho nên chỉ riêng nó gọi là Pháp xứ. Lại nữa, phân biệt tự tướng và cọng tướng của các pháp, an lập tự tướng và cọng tướng của các pháp, phá bỏ ngu muội về tự tánh và ngu muội về sở duyên, đối với tất cả các pháp không tăng-không giảm, tuệ hiểu rõ đúng như thật, chỉ do xứ này thâu nhiếp cho nên gọi là Pháp xứ; Xứ khác thì không như vậy, cho nên kiến lập tên gọi sai khác. Lại nữa, Xứ này thâu nhiếp nhiều pháp cho nên gọi là Pháp xứ. Thâu nhiếp nhiều pháp, nghĩa là ở tại Xứ này có pháp sắc và Phi sắc, pháp tương ưng và bất tương ưng, pháp có sở y và không có sở y, pháp có sở duyên và không có sở duyên, pháp có hành tướng và không có hành tướng, pháp có cảnh giác và không có cảnh giác, pháp hữu vi và vô vi; xứ kách thì không như vậy, cho nên kiến lập tên gọi sai khác. Lại nữa, xứ này đối với ý cho nên gọi là Pháp xứ, nghĩa là các xứ như nhãn... chỉ hướng về sắc..., chỉ có ý xứ hướng về tất cả các pháp, đối với ý là riêng biệt mà có được, tên gọi chung cho tất cả. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên trong mười hai xứ chỉ có một Xứ gọi là Pháp xứ.

Nói tách biệt về từng tướng một của các Xứ rồi, nay cần phải tiếp tục nói về thứ tự của các Xứ.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn trước là nói về Nội xứ, sau mới nói đến Ngoại xứ?

Đáp: Bởi vì dựa vào thứ tự sở y-sở duyên của sáu thức mà nói.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với sáu Nội xứ thì trước là nói đến Nhãn xứ, cho đến sau mới nói về Trước xứ; đối với sáu Ngoại xứ htì trước là nói đến Sắc xứ, cho đến sau mới nói về Pháp xứ?

Đáp: Bởi vì tùy thuận văn từ mà giải thích biểu lọ về tướng. Lại nữa, bởi vì tùy thuận với pháp theo thứ tự thô-tế, nghĩa là sáu Nội xứ thì nHãn xứ là thô nhất, vì vậy cho nên nói trước cho đến Ý xứ là tế nhất,

vì vậy cho nên nói sau; trong sáu Ngoại xứ thì Sắc xứ là thô nhất, cho nên nói trước, cho đến Pháp xứ là tế nhất, cho nên nói sau.

Lại nữa, dựa theo thứ tự nhất định và không nhất định mà nói, trong sáu Nội xứ thì năm Xứ trước nhất định chọn lấy cảnh hiện tại cho nên nói trước, Ý xứ chọn lấy cảnh không quyết định cho nên nói sau, nghĩa là dùng ba đời và pháp vô vi, hoặc chung-hoặc riêng làm nơi chọn lấy; trong năm Xứ trước thì bốn Xứ trước nhất định chọn lấy sắc đã tạo ra cho nên nói trước, Thân xứ chọn lấy cảnh không quyết định cho nên nói sau, nghĩa là dùng Sắc có thể tạo ra và sắc đã tạo ra, hoặc chung- hoặc riêng làm nơi chọn lấy; trong bốn xứ trước đối vớ cảnh đã chọn lấy tuy xa mà nhanh chóng sáng tỏ thì nói trước, ngược lại với tướng này thì nói sau. Dựa vào thứ tự trước sau của sáu Xứ bên trong mà nói, sáu Xứ bên ngoài theo thứ tự cũng như vậy.

Lại nữa, dựa vào Xứ trên-dưới theo thứ tự mà nói, nghĩa là trong một thân thì Nhãn xứ là cao nhất, Nhĩ xứ lần lượt xuống thấp, Tỷ xứ lần lượt thấp hơn, Thiệt xứ lần lượt thấp xuống, Thân phần nhiều ở dưới thấp, Ý không có phương hướng nơi chốn cho nên nói cuối cùng Dựa vào thứ tự trước sau của sáu Xứ bên trong mà nói, sáu Xứ bên ngoài nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dựa vào thứ tự lễ nghi gặp nhau lần lượt chuyển đổi của các hữu tình, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là lúc gặp nhau, trước tiên cùng gặp mặt nhau, tiếp theo chuyện trò qua lại, tiếp theo dâng tăng hương hoa, tiếp heo bày ra ăn uống, tiếp theo trao cho đồ nằm mịn màng tuyệt với, vì vậy cuối cùng vừa lòng hợp ý với nhau, cho nên mười hai Xứ theo thứ tự như vậy.

□